



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2013	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 45

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là Tập đoàn) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5003000180 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 02 tháng 12 năm 2010.

Trụ sở hoạt động và nhà máy của Công ty được đặt tại số 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 443.753.850.000 đồng.

Đến thời điểm 31/12/2013, Công ty có đầu tư vào 7 công ty con.

2. THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Phạm Phúc Toại	Chủ tịch
Bà Phạm Thúy An	Phó Chủ tịch
Ông Ngô Kinh Luân	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên
Ông Châu Minh Đạt	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Phạm Phúc Toại	Tổng Giám đốc
Ông Châu Minh Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thúy An	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Tôn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Đạo	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Trúc	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Tập đoàn.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong Báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Long An, ngày 28 tháng 03 năm 2014

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC TOẠI



Số: 14.179/BCKTHN-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2014 từ trang 05 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- 1) Về số dư đầu năm và lợi nhuận sau thuế của năm trước: Như đã trình bày trên báo cáo kiểm toán năm 2012, tổng chi phí xây dựng cơ bản dở dang của nhà máy chế biến thủy sản Hoàng Long đến ngày 31/12/2012 là 589.718.861.217 đồng; trong đó, hầu hết các tài sản đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, theo trình bày của Công ty, đến ngày 31/12/2012 Công ty vẫn chưa hoàn tất thủ tục nghiệm thu, quyết toán công trình nên chưa kết chuyển tài sản và chưa trích khấu hao tương ứng với giá trị khấu hao ước tính cả năm là khoản 30 tỷ đồng. Theo quy định của chế độ kế toán Việt Nam, trong trường hợp này, cần căn cứ vào chi phí đầu tư xây dựng cơ bản thực tế, tạm tính nguyên giá để ghi tăng tài sản cố định để có cơ sở tính, trích khấu hao tài sản cố định đưa vào sử dụng. Do đó, nếu ghi tăng tài sản cố định đã đưa vào sử dụng theo quy định nêu trên thì trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, chỉ tiêu Nguyên giá tài sản cố định đầu năm sẽ tăng thêm khoản 589 tỷ đồng, chỉ tiêu Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đầu năm sẽ giảm đi khoản 589 tỷ đồng, và chỉ tiêu Khấu hao lũy kế đầu năm sẽ tăng thêm khoản 30 tỷ đồng và chỉ tiêu Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm sẽ giảm đi khoản 30 tỷ đồng; Đồng thời, trên báo cáo kết quả kinh doanh năm 2013, chỉ tiêu Tổng lợi nhuận trước thuế năm trước sẽ giảm từ lãi 5.479.759.288 đồng xuống còn lỗ khoản 24,5 tỷ đồng, và do đó, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước của cổ đông mẹ sẽ giảm từ lãi 306.014.153 đồng xuống còn lỗ khoản 29,7 tỷ đồng.
- 2) Tại thời điểm lập báo cáo kiểm toán, Công ty đang kiện ra tòa để thu hồi các khoản phải thu của Pescados Pcs, HLG Holding Corp, Công ty TNHH Hiệp Sanh Tồn Công ty TNHH Song Trang và Công ty TNHH Hải sản Hiếu và Duy với tổng số tiền phải thu là 69.542.919.587 đồng. Đến nay, Công ty vẫn chưa nhận được quyết định phán quyết cuối cùng của tòa án nên khả năng thu hồi các khoản công nợ này chưa chắc chắn. Tuy nhiên, Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi này theo quy định hiện hành với số tiền ước tính khoản 48,3 tỷ đồng. Nếu Công ty lập dự phòng cho các khoản phải thu này thì trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2013, chỉ tiêu dự phòng phải thu khó đòi sẽ tăng lên khoản 48,3 tỷ đồng tương ứng; chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối cuối năm sẽ giảm đi 48,3 tỷ tương ứng, đồng thời trên báo cáo kết quả kinh doanh, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2013 sẽ tăng từ lỗ 281.979.064.795 đồng thành lỗ khoản 330,3 tỷ đồng và chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế sẽ tăng từ lỗ 261.201.438.552 đồng thành lỗ khoản 309,5 tỷ đồng.

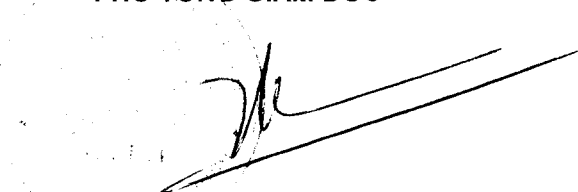
Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long và các Công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



TĂNG QUỐC THẮNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0075-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



DIỆC LỆ BÌNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1714-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		927.209.642.547	1.449.433.550.986
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.544.949.714	21.689.041.968
1. Tiền	111	5.1	6.544.949.714	21.689.041.968
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	511.949.616.577	866.192.004.131
1. Phải thu khách hàng	131		327.883.917.167	314.513.774.744
2. Trả trước cho người bán	132		80.944.760.250	127.790.235.506
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		132.705.397.917	429.581.906.173
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(29.584.458.757)	(5.693.912.292)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	392.304.292.820	532.464.232.777
1. Hàng tồn kho	141		448.510.789.399	532.464.232.777
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(56.206.496.579)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.410.783.436	29.088.272.110
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	3.513.202.890	4.494.037.175
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.859.077.305	10.767.569.309
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	330.522.330	1.067.024.088
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	7.707.980.911	12.759.641.538

(Phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		951.019.457.890	1.071.302.984.074
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220	5.7	777.576.533.162	916.344.395.038
1. TSCĐ hữu hình	221		616.513.095.971	255.739.540.260
+ Nguyên giá	222		718.613.236.089	393.929.089.502
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(102.100.140.118)	(138.189.549.242)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.8	111.688.380.286	51.838.881.230
+ Nguyên giá	228		112.419.546.977	52.473.347.920
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(731.166.691)	(634.466.690)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	49.375.056.905	608.765.973.548
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	132.139.606.676	132.038.108.439
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		132.139.606.676	132.038.108.439
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		41.303.318.052	22.920.480.596
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	7.943.431.593	10.868.586.981
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.12	32.324.059.082	10.896.066.238
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.13	1.035.827.377	1.155.827.377
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.878.229.100.437	2.520.736.535.060

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.616.725.819.490	2.003.026.290.687
I. Nợ ngắn hạn	310		1.164.743.174.364	1.929.901.577.794
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	522.089.755.121	1.183.752.147.602
2. Phải trả người bán	312	5.15	206.982.333.012	434.634.071.627
3. Người mua trả tiền trước	313	5.15	85.055.560.191	143.265.820.127
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.16	7.724.363.449	15.418.547.753
5. Phải trả người lao động	315		10.505.253.334	11.820.439.891
6. Chi phí phải trả	316	5.17	25.735.026.599	53.580.980.912
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.18	290.247.199.719	66.710.695.136
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		16.403.682.939	20.718.874.746
II. Nợ dài hạn	330		451.982.645.126	73.124.712.893
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.19	5.822.299.778	6.416.400.888
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.20	434.154.218.324	54.199.001.344
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	5.21	14.510.651	14.510.651
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.22	11.991.616.373	12.494.800.010
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		261.003.658.426	517.334.880.120
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.24	261.003.658.426	517.334.880.120
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		443.753.850.000	443.753.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.640.561.505	19.625.260.797
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		16.839.181.571	16.826.941.005
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(211.729.934.650)	44.628.828.318
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		499.622.521	375.364.253
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.878.229.100.437	2.520.736.535.060

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

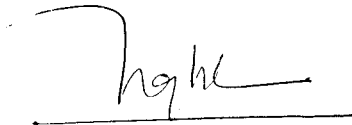
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		155.823,93	369.536,11
+ EUR		667,34	1.575,85
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ THỊ KHẢ HÂN

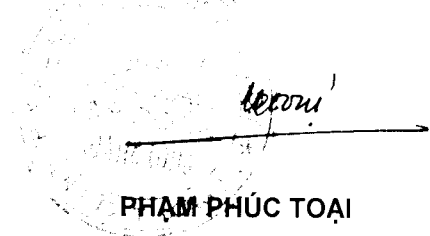
KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

Long An, ngày 28 tháng 03 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC


PHẠM PHÚC TOẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

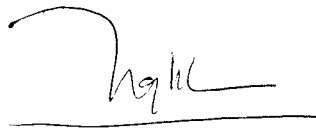
CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.256.960.877.137	1.967.582.584.114
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	116.429.566.401	29.172.044.279
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	1.140.531.310.736	1.938.410.539.835
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.230.733.486.808	1.702.538.103.449
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(90.202.176.072)	235.872.436.386
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	49.565.279.844	20.322.002.718
7. Chi phí tài chính	22	6.4	145.730.759.910	79.411.594.135
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>133.991.420.506</i>	<i>68.657.292.726</i>
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	72.523.748.971	98.406.099.269
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	94.491.944.438	75.063.132.794
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(353.383.349.547)	3.313.612.906
11. Thu nhập khác	31	6.7	227.155.752.704	8.290.690.819
12. Chi phí khác	32	6.8	155.737.988.034	6.124.544.437
13. Lợi nhuận khác	40		71.417.764.670	2.166.146.382
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		(13.479.918)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		(281.979.064.795)	5.479.759.288
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		786.296.381	5.185.097.995
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	6.9	(21.443.001.831)	13.282.887
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		(261.322.359.345)	281.378.406
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		(120.920.793)	(24.635.747)
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		(261.201.438.552)	306.014.153
19. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80	5.23	(5.906)	7

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ THỊ KHẢ HÂN

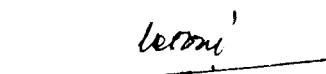
KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

Long An, ngày 28 tháng 03 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC TOẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(281.979.064.795)	5.479.759.288
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		50.597.997.982	40.438.973.816
Các khoản dự phòng	03		80.097.043.044	1.697.351.049
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		3.239.889.352	(1.278.279.883)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(73.948.711.953)	(12.492.398.646)
Chi phí lãi vay	06		133.991.420.506	68.657.292.726
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(88.001.425.864)	102.502.698.350
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		120.457.211.912	(184.345.857.725)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		83.953.443.378	(72.894.771.102)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		374.685.562.296	232.270.936.353
Tăng giảm chi phí trả trước	12		4.415.252.053	1.300.316.200
Tiền lãi vay đã trả	13		(109.740.809.860)	(71.627.474.727)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(6.018.342.111)	(3.686.735.106)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		6.579.375.036	19.425.411.705
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	15		(7.507.850.490)	(59.667.526.199)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		378.822.416.350	(36.723.002.251)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(257.024.823.605)	(158.086.741.118)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		140.628.578.263	8.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(60.000.000)	(60.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.919.561.362	6.465.452.678
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(106.536.683.980)	(151.673.288.440)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

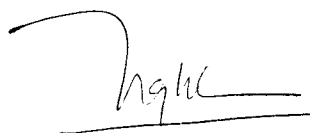
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.364.688.817.666	2.719.554.466.058
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.652.108.619.744)	(2.478.361.812.835)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(45.000)	(48.614.077.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(287.419.847.078)	192.578.575.723
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(15.134.114.708)	4.182.285.032
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	21.689.041.968	17.504.224.245
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(9.977.546)	2.532.691
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	6.544.949.714	21.689.041.968

Long An, ngày 28 tháng 03 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ KHẢ HÂN

NGUYỄN THỊ TRÚC

PHẠM PHÚC TOẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000180 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 02 tháng 12 năm 2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 10 là 443.753.850.000 VND.

Công ty có đầu tư vào 07 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 43 người (31/12/2012: 45 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp, cho thuê và mướn kho bãi;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh phân bón các loại.

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	Lầu 2, Tòa Nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	Tầng trệt, Tòa Nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%
3.	Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long	68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức tỉnh Long An	100%	100%
4.	Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	149 Nguyễn Văn Cừ, phường 2, quận 5, TP.HCM	100%	100%
5.	Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	Ấp Tân Cương, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

6.	Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	Áp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	100%	100%
7.	Công ty CP Thanh Mỹ (*)	469 Đình Bộ Lĩnh, KP5, Phường 9, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	98,90%	98,90%

(*) Tại thời điểm ngày 30/06/2013, Công ty đã tiến hành thanh lý khoản đầu tư vào Công ty CP Thanh Mỹ

Công ty con gián tiếp

<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
Công ty CP Mê Kông	Áp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	79,74%	79,74%

1.4. Danh sách công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
Công ty TNHH SX và TMDV Thanh Thy	A-14 Lô H30 Khu Phố Mỹ Quang, Q.7, TP.HCM	30%	30%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long, báo cáo tài chính các công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích cổ đông thiểu số trong lợi nhuận hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt, bao gồm lợi ích cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu cùng với những thay đổi trong vốn chủ sở hữu của cổ đông thiểu số kể từ ngày hợp nhất.

Tại thời điểm thụ đắc công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.4 Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

4.5 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ và các chi phí chờ kết chuyển được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2013</u>
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 08 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
+ Tài sản cố định khác	02 năm

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Quyền sử dụng đất Nhà máy nước ngầm khu Long Cang và tại huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

4.8 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính khác.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác: Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.11 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập và sử dụng các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.12 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Doanh thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ghi nhận khi thu được 70% tiền ứng trước từ khách hàng theo quy định trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

4.13 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.14 Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
 - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

▪ Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Dịch vụ xử lý nước thải, nuôi trồng thủy sản	không chịu thuế
+ Thương mại phân bón, mì lát, nông sản, gia công chế biến thủy sản	05%
+ Dịch vụ taxi	10%
+ Thương mại thuốc lá,	10%
+ Các dịch vụ khác	10%

▪ Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

4.15 Công cụ tài chính

▪ Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

▪ Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1.890.989.073	7.921.394.495
Tiền gửi ngân hàng	4.653.960.641	13.767.647.473
Tổng cộng	6.544.949.714	21.689.041.968

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	327.883.917.167	314.513.774.744
Trả trước cho người bán	80.944.760.250	127.790.235.506
Các khoản phải thu khác	132.705.397.917	429.581.906.173
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	541.534.075.334	871.885.916.423
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(29.584.458.757)	(5.693.912.292)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	511.949.616.577	866.192.004.131

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

Phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu từ hoạt động thương mại	288.413.691.353	247.459.413.448
Phải thu từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	39.470.225.814	67.054.361.296
Cộng	327.883.917.167	314.513.774.744

Trả trước cho người bán được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Trả trước hoạt động thi công	13.865.257.040	4.626.419.820
Trả trước hoạt động thương mại	8.003.322.433	2.147.650.016
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu	58.808.684.325	120.097.755.796
Các khoản trả trước khác	267.496.452	918.409.874
Cộng	80.944.760.250	127.790.235.506

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu tiền cho mượn	85.248.160.511	408.673.781.715
Phải thu tiền lãi cho mượn tạm	42.030.466.211	6.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Phải thu tiền lệ phí trước bạ ứng trước cho khách hàng	1.173.243.837	1.230.224.437
Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa khấu trừ	-	156.012.710
Phải thu thuế nhập khẩu được hoàn	904.450.380	6.677.011.993
Phải thu do chi trước quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	2.375.734.723
Ứng trước tiền liên kết nuôi thủy sản	1.207.787.525	-
Phải thu Công ty Thanh Thy – <i>xem thêm mục 8</i>	542.000.000	542.000.000
Khác	1.599.289.453	3.927.140.595
Cộng	132.705.397.917	429.581.906.173

5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	457.050.460	116.836.209
Nguyên liệu, vật liệu	5.370.692.155	24.657.224.710
Công cụ, dụng cụ	5.549.794.164	8.517.698.757
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	110.650.612.846	277.042.736.980
Thành phẩm	299.700.193.046	193.814.886.699
Hàng hóa	26.773.126.942	28.314.849.422
Hàng gửi bán	9.319.786	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	448.510.789.399	532.464.232.777
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(56.206.496.579)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	392.304.292.820	532.464.232.777

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.225.565.824	2.422.273.276
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	737.037.839	1.667.014.665
Khác	550.599.227	404.749.234
Tổng cộng	3.513.202.890	4.494.037.175

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

5.5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	317.747.686	1.054.662.530
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	12.205.802	10.245.856
Khác	568.842	2.115.702
Tổng cộng	330.522.330	1.067.024.088

5.6. Tài sản ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	5.503.459.179	5.243.723.602
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.204.521.732	7.515.917.936
Tổng cộng	7.707.980.911	12.759.641.538

(Xem tiếp trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						VND
Số dư đầu năm	28.705.727.614	112.658.483.463	244.098.147.096	4.213.130.745	4.253.600.584	393.929.089.502
Tăng trong năm	382.959.695.191	143.538.775.134	4.793.469.659	-	-	531.291.939.984
Tăng khác (mua công ty con)	1.598.676.542	83.000.000	138.976.000	-	1.121.726.627	2.942.379.169
Giảm theo TT45/2013/TT-BTC	(138.266.395)	(1.332.033.015)	(125.799.000)	(2.654.419.913)	(34.316.000)	(4.284.834.323)
Thanh lý, nhượng bán	(213.223.527)	(76.757.313.346)	(112.933.988.623)	(74.797.000)	-	(189.979.322.496)
Giảm do thanh lý công ty Thanh Mỹ	(4.267.836.400)	(6.598.396.148)	(2.117.155.472)	(72.223.600)	(2.230.404.127)	(15.286.015.747)
Số dư cuối năm	408.644.773.025	171.592.516.088	133.853.649.660	1.411.690.232	3.110.607.084	718.613.236.089
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	7.748.041.466	27.135.326.067	97.922.669.991	3.723.168.952	1.660.342.766	138.189.549.242
Khấu hao trong năm	9.899.670.856	18.978.766.165	21.112.710.766	151.976.005	347.874.189	50.490.997.981
Tăng khác (mua công ty con)	360.738.242	22.726.191	38.052.953	-	-	421.517.386
Giảm theo TT45/2013/TT-BTC	(81.922.535)	(913.486.360)	(47.464.530)	(2.438.862.209)	(22.194.800)	(3.503.930.434)
Thanh lý, nhượng bán	(101.930.305)	(11.318.603.845)	(65.926.896.671)	(53.604.531)	-	(77.401.035.352)
Giảm do thanh lý công ty Thanh Mỹ	(745.606.603)	(3.034.170.689)	(1.170.185.529)	(35.713.785)	(1.111.282.099)	(6.096.958.705)
Số dư cuối năm	17.078.991.121	30.870.557.529	51.928.886.980	1.346.964.432	874.740.056	102.100.140.118

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	20.957.686.148	85.523.157.396	146.175.477.105	489.961.793	2.593.257.818	255.739.540.260
Tại ngày cuối năm	391.565.781.904	140.721.958.559	81.924.762.680	64.725.800	2.235.867.028	616.513.095.971

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 173.190.636.279 VND – xem thêm mục 5.14 và 5.20
Nguyên giá của tài sản có định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.693.766.288 VND.

(Xem tiếp trang 23)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

			VND
Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	52.463.047.920	10.300.000	52.473.347.920
Tăng từ xây dựng cơ bản	68.090.223.977	-	68.090.223.977
Giảm do thanh lý công ty Thanh Mỹ	(8.133.724.920)	-	(8.133.724.920)
Giảm theo TT45/2013/TT-BTC		(10.300.000)	(10.300.000)
Số dư cuối năm	112.419.546.977	-	112.419.546.977
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	624.166.690	10.300.000	634.466.690
Khấu hao trong năm	107.000.001	-	107.000.001
Giảm theo TT45/2013/TT-BTC	-	(10.300.000)	(10.300.000)
Số dư cuối năm	731.166.691	-	731.166.691
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	51.838.881.230	-	51.838.881.230
Tại ngày cuối năm	111.688.380.286	-	111.688.380.286

Giá trị còn lại của các tài sản đã thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay là 21.117.621.424 đồng – xem thêm mục 5.14 và 5.20

5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

			VND
	Cuối năm	Đầu năm	
Mua sắm tài sản cố định	173.218.403	4.812.582.042	
Hệ thống xử lý nước khoáng, giếng bình	-	2.332.579.772	
Giếng khoan	-	1.959.967.573	
Quyền sử dụng đất nhà xưởng nước khoáng	-	4.444.324.028	
Hệ thống xử lý nước thải Long Cang	4.628.173.443	4.628.173.443	
Công trình nhà máy chế biến thủy sản Thủy Sản Hoàng Long	44.129.539.393	589.718.861.217	
Khác	444.125.666	869.485.473	
Tổng cộng	49.375.056.905	608.765.973.548	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

5.10. Đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản góp vốn vào Công ty TNHH SX TM Thanh Thy với tỷ lệ góp vốn bằng 30% vốn chủ sở hữu.

5.11. Chi phí trả trước dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.926.864.229	4.834.170.106
Chi phí cải tạo ao, nhà kho	1.295.761.976	1.885.816.587
Chi phí thuê đất	460.911.786	518.525.754
Chi phí sửa chữa lớn	-	3.630.074.534
Khác	2.259.893.602	-
Tổng cộng	7.943.431.593	10.868.586.981

5.12. Tài sản thuế TNDN hoãn lại

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời do trích trước chi phí cho khu đất Long Kim	3.520.636.815	3.526.679.708
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời do trích trước chi phí cho khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	-	7.139.034.378
Tài sản thuế hoãn lại liên quan đến việc chuyển lỗ phát sinh trong năm	28.626.103.726	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời khác	177.318.541	230.352.152
Tổng cộng	32.324.059.082	10.896.066.238

5.13. Tài sản dài hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đặt cọc thuê nhà xưởng, bến đậu	192.100.000	312.100.000
Ký quỹ chống phá giá cho bên Hoa Kỳ	843.727.377	843.727.377
Tổng cộng	1.035.827.377	1.155.827.377

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

5.14. Vay ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	517.539.755.121	1.178.852.147.602
Vay đối tượng khác	4.550.000.000	4.900.000.000
Tổng cộng	522.089.755.121	1.183.752.147.602

Các khoản vay ngân hàng có lãi suất từ 9,0%/năm đến 12,0%/năm đối với VNĐ, 5,0%/năm đến 6,0%/năm đối với USD với mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp sau :

- Quyền sử dụng đất tại xã Long Cang, Huyện Cần Đước, tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Công ty CP Tập Đoàn Hoàng Long theo hợp đồng thế chấp số 0099/NHNT-TDC/TC11 ngày 23 tháng 03 năm 2011
- 7.400.658 cổ phiếu HLG được phát hành bởi Công ty CP Tập Đoàn Hoàng Long trị giá 189.456.000.000 đồng theo hợp đồng thế chấp số 0142/HĐTC/PGBLA/09 ngày 30/12/2009
- Các tài sản thế chấp cho ngân hàng PG Bank ứng với hợp đồng tín dụng số 149/2011/HMTD/NH-PN/PCB ngày 29/03/2011. Trị giá tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp tương ứng là 425.506.492.000 đồng.
- Toàn bộ bất động sản tại nhà máy, hàng tồn kho, các khoản phải thu, các trang thiết bị, máy móc tại nhà máy chế biến thủy sản.

Vay đối tượng khác dưới hình thức tín chấp với lãi suất 16.8%/năm

5.15. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	206.982.333.012	434.634.071.627
Người mua trả tiền trước	85.055.560.191	143.265.820.127
Tổng cộng	292.037.893.203	577.899.891.754

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

(Xem thêm trang 26)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Phải trả cho người bán được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả tiền đền bù giải tỏa	1.705.331.000	5.707.412.000
Phải trả tiền mua nhà máy sản xuất thức ăn nổi	6.887.998.390	7.289.800.000
Phải trả hoạt động thương mại	16.337.038.748	6.267.939.240
Phải trả tiền mua nguyên liệu chế biến thủy sản	134.040.132.417	413.653.545.563
Phải trả về hoạt động thi công	1.179.065.127	1.263.871.662
Khác	46.832.767.330	451.503.162
Tổng cộng	206.982.333.012	434.634.071.627

Người mua trả tiền trước được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Trả trước cho hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	1.882.223.538	10.790.709.001
Trả trước cho hoạt động thi công	24.882.472.108	-
Trả trước cho hoạt động thương mại	55.463.057.990	130.374.843.889
Khác	2.827.806.555	2.100.267.237
Tổng cộng	85.055.560.191	143.265.820.127

5.16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	3.761.191.920	4.848.542.289
Thuế thu nhập doanh nghiệp	843.930.451	6.812.891.025
Thuế thu nhập cá nhân	848.690.448	611.147.426
Thuế tài nguyên	17.590.446	22.488.190
Các khoản phí, lệ phí	2.251.869.839	3.123.478.823
Các loại thuế khác	1.090.345	-
Tổng cộng	7.724.363.449	15.418.547.753

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

5.17. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Trích trước chi phí cho công trình Long Kim 2	18.513.790.507	18.513.790.507
Trích trước chi phí cho khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	-	28.625.323.710
Trích trước chi phí khấu hao tài sản đã sử dụng	1.580.177.534	-
Trích trước lương phải trả	827.875.000	-
Trích trước chi phí điện	2.719.013.700	2.354.270.800
Trích trước chi phí lãi vay	823.421.782	2.416.533.246
Chi phí phải trả khác	1.270.748.076	1.671.062.649
Tổng cộng	25.735.026.599	53.580.980.912

5.18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.675.318.132	1.170.316.634
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	4.387.763.909	2.824.712.549
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	80.161.000	603.726.000
Phải trả công ty TNHH Thanh Thy – <i>xem thêm mục 8</i>	8.387.443.935	13.469.443.935
Phải trả tiền mượn cho ông Phạm Phúc Toại – <i>xem thêm mục 8</i>	697.800.239	8.451.812.779
Phải trả tiền mượn cho Bà Phạm Thúy An – <i>xem thêm mục 8</i>	-	7.783.000.000
Phải trả tiền mượn cho ông Phạm Hoàng Long	198.246.000	198.246.000
Phải trả tiền hàng chưa có hóa đơn	552.494.100	10.452.517.225
Phải trả tiền lãi vay	28.718.007.739	2.874.285.629
Phải trả tiền mượn các đối tượng khác	242.487.014.558	8.241.738.984
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.062.950.107	10.640.895.401
Tổng cộng	290.247.199.719	66.710.695.136

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

5.19. Phải trả dài hạn khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Nhận ký quỹ của tài xế taxi	5.322.299.778	6.036.400.888
Nhận ký quỹ khác	500.000.000	380.000.000
Số dư cuối năm	5.822.299.778	6.416.400.888

5.20. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay ngân hàng với lãi suất từ 12,4%/năm đến 13,8%/năm đối với VNĐ và 6,0%/năm đến 7,5%/năm đối với USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp gồm:

- 7.400.658 cổ phiếu HLG theo hợp đồng thế chấp số 0142/HĐTC/PGBLA/09 ngày 30/12/2009.
- Xe ô tô KIA CARENS, KIAMORNING theo các hợp đồng thế chấp sau: hợp đồng 3001/2011/HĐTC-DN.HCM ngày 08/01/2011, hợp đồng 8412/2010/HĐTC-DN.HCM, hợp đồng 1905/2011/HĐTC-DN.HCM ngày 20/05/2011, hợp đồng 03.20.2011.00202 TSTC/VCBNSG ngày 8/9/2011 và hợp đồng tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay cho ngân hàng Shinhan
- Toàn bộ quyền sử dụng đất, nhà xưởng, thiết bị thuộc dự án Nhà máy chế biến thủy sản Hoàng Long theo hợp đồng thế chấp số 277/2009/HĐTC/PGB ngày 22/07/2009
- Diện tích đất trồng lúa tại huyện Tam Nông và huyện Thanh Bình

5.21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Là khoản thuế phải trả phát sinh từ khoản lỗ chưa thực hiện trong hàng tồn kho.

5.22. Doanh thu chưa thực hiện

Là tiền khách hàng ứng trước theo tiến độ hợp đồng kinh doanh bất động sản.

(Xem tiếp trang 29)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

5.23. Vốn chủ sở hữu**5.23.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	VND
Số dư đầu năm trước	571.762.060.708
Lợi nhuận trong năm trước	306.014.153
Chênh lệch tỷ giá	(93.962.961)
Trích lập quỹ dự trữ	(11.943.542.506)
Tặng khác	299.155.723
Chia cổ tức	(48.652.312.500)
Số dư đầu năm nay	517.334.880.120
Lợi nhuận trong năm	(261.201.438.552)
Trích lập quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	27.541.274
Trích lập quỹ khen thưởng	(30.601.421)
Tặng do thanh lý Công ty CP Thanh Mỹ	4.900.863.279
Chia cổ tức	(45.000)
Số dư cuối năm nay	261.003.658.426

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

5.23.2. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	44.375.388	44.375.388
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	(150.000)	(150.000)
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	44.225.385	44.225.385
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.23.3. Lãi / (Lỗ) cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi / (Lỗ) hợp nhất sau thuế của các cổ đông của công ty mẹ	(261.201.438.552)	306.014.153
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	44.225.385	44.225.385
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần (EPS)	(5.906)	7

5.23.4. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	375.364.252	13.594.638.475
Vốn góp của cổ đông thiểu số giảm trong năm – xem thêm mục 1.3	(400.000.000)	(13.473.615.585)
Giảm lỗ lũy kế của những cổ đông đã rút vốn – xem thêm mục 1.3	-	278.977.110
Tăng do đầu tư vào công ty CP MeKong	593.572.321	-
Giảm lỗ do thanh lý công ty CP Thanh Mỹ	51.606.741	-
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	(120.920.793)	(24.635.747)
Số dư cuối năm	499.622.521	375.364.252

(Xem tiếp trang 31)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động thương mại	109.520.087.845	100.994.767.165
Doanh thu hoạt động thi công	18.362.755.842	13.869.256.647
Doanh thu kinh doanh bất động sản	706.888.181	2.972.998.733
Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.275.370	3.137.638.373
Doanh thu cung cấp nước	8.809.197.184	10.076.016.867
Doanh thu dịch vụ taxi	118.094.499.181	144.322.666.489
Doanh thu chế biến thủy sản	995.862.769.044	1.682.325.403.770
Doanh thu khác	5.556.404.490	9.883.836.070
Các khoản giảm trừ doanh thu	(116.429.566.401)	(29.172.044.279)
Doanh thu thuần	1.140.531.310.736	1.938.410.539.835

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động thương mại	103.352.520.247	95.543.079.584
Giá vốn hoạt động thi công	19.307.225.057	13.888.668.260
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	688.576.954	3.129.314.246
Giá vốn hoạt động cung cấp nước	5.128.147.391	5.227.208.875
Giá vốn dịch vụ taxi	94.799.757.732	111.996.367.150
Giá vốn hoạt động chế biến thủy sản	1.051.671.101.296	1.465.529.962.319
Giá vốn hoạt động khác	4.655.296.746	7.223.503.015
Giảm giá vốn do hàng bán trả lại	(48.869.138.615)	-
Tổng cộng	1.230.733.486.808	1.702.538.103.449

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	45.950.027.573	12.465.452.678
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.397.984.949	6.494.071.860
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	217.267.322	1.329.053.845
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	33.424.335
Tổng cộng	49.565.279.844	20.322.002.718

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	133.991.420.506	68.657.292.726
Lỗ do thanh lý công ty Thanh Mỹ	51.606.740	-
Lãi tiền nhận ký quỹ của tài xế taxi	162.822.072	240.858.280
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.517.291.298	9.951.826.999
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.457.156.674	50.773.962
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.550.462.620	510.842.168
Tổng cộng	145.730.759.910	79.411.594.135

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	5.249.580.542	7.504.440.991
Chi phí vật liệu, bao bì	17.577.202.778	20.992.011.801
Chi phí khấu hao TSCĐ	261.111.519	489.820.436
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.474.621.648	65.005.816.297
Chi phí bằng tiền khác	2.961.232.484	4.414.009.744
Tổng cộng	72.523.748.971	98.406.099.269

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	36.047.459.767	39.416.721.446
Chi phí vật liệu quản lý	3.626.480.357	5.065.970.982
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.624.527.736	5.172.925.139
Thuế, phí và lệ phí	1.238.997.004	449.585.569
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.915.157.097	9.217.512.203
Chi phí bằng tiền khác	17.039.322.477	15.740.417.455
Tổng cộng	94.491.944.438	75.063.132.794

6.7. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ chênh lệch hàng tồn kho	43.390.955.693	-
Nợ khó đòi xóa sổ nay thu lại được	650.000.000	-
Thu nhập từ chênh lệch chi phí ao nuôi	21.039.108.601	
Thu tiền bán phế liệu	15.878.971.538	2.045.347.160
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	140.628.578.263	7.583.342
Thu lãi trả chậm, phạt vi phạm hợp đồng	848.789.519	1.990.450.948
Xử lý quỹ hỗ trợ tai nạn và quỹ sửa chữa	1.438.090.625	1.980.943.044
Thu nhập khác	3.281.258.465	2.266.366.325
Tổng cộng	227.155.752.704	8.290.690.819

(Xem tiếp trang 34)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

6.8. Chi phí khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	112.578.287.143	13.416.658
Chi phí xử lý ao nuôi	9.615.390.681	-
Phạt chậm nộp tiền sử dụng đất	854.064.672	2.305.709.117
Chi phí xử lý hàng tồn kho	29.852.777.133	2.774.520.698
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	343.857.454
Chi phí khác	2.837.468.405	687.040.510
Tổng cộng	155.737.988.034	6.124.544.437

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, Thuế TNDN hoãn lại phải trả của Công ty và những biến động trong năm được trình bày như sau:

	VND				
	Trích trước chi phí Công trình Long Kim 2	Lỗ phát sinh từ hoạt động kinh doanh	Trích trước chi phí Khu biệt thự Anh Thạnh	Khác	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	3.526.679.708	-	7.139.034.378	230.352.152	10.896.066.238
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	6.042.893	(28.626.103.726)	7.139.034.378	38.024.624	(21.443.001.831)
Điều chỉnh số đầu năm do thay đổi thuế suất	-	-	-	(15.008.987)	(15.008.987)
Số dư cuối năm nay	3.520.636.815	28.626.103.726	-	177.318.541	32.324.059.082

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	32.324.059.082	10.896.066.238
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(14.510.651)	(14.510.651)
Tổng cộng	32.309.548.431	10.881.555.587

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	992.573.199.359	1.676.833.436.477
Chi phí nhân công	142.020.031.131	156.514.836.316
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.597.997.982	40.438.973.816
Chi phí dịch vụ mua ngoài	136.444.338.341	66.500.115.207
Chi phí khác bằng tiền	40.655.319.443	46.523.197.926
Tổng cộng	1.362.290.886.256	1.986.810.559.742

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Sản xuất, thương mại
- Thi công, xây lắp
- Bất động sản
- Dịch vụ taxi
- Nuôi trồng, chế biến thủy sản
- Hoạt động khác

(Xem tiếp trang 36)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Lĩnh vực	Thương mại	Thi công	Bất động sản	Dịch vụ Taxi	Chế biến thủy sản	Khác	VND
Doanh thu thuần	109.420.608.255	18.048.239.733	(99.602.315.584)	117.882.185.504	980.184.435.982	14.598.156.846	1.140.531.310.736
Giá vốn	102.286.627.212	19.307.225.057	(48.180.561.661)	94.799.757.732	1.051.671.101.296	10.849.337.172	1.230.733.486.808
Lãi gộp	7.133.981.043	(1.258.985.324)	(51.421.753.923)	23.082.427.772	(71.486.665.314)	3.748.819.674	(90.202.176.072)
Lãi từ hoạt động bán hàng	<u>(28.233.978.744)</u>	<u>(4.454.239.825)</u>	<u>(51.421.753.923)</u>	<u>2.905.400.257</u>	<u>(175.044.391.168)</u>	<u>(968.906.078)</u>	<u>(257.217.869.481)</u>
Doanh thu tài chính	301.745.817	29.216.955.695	-	3.377.231.892	-	16.669.346.440	49.565.279.844
Chi phí tài chính	36.930.336.589	29.749.505.232	-	4.998.786.512	57.080.057.726	16.972.073.851	145.730.759.910
Lợi nhuận tài chính	<u>(36.628.590.772)</u>	<u>(532.549.536)</u>	<u>-</u>	<u>(1.621.554.620)</u>	<u>(57.080.057.726)</u>	<u>(302.727.412)</u>	<u>(96.165.480.066)</u>
Thu nhập khác	2.672.510.068	70.041.416	-	36.962.269.579	187.290.172.420	160.759.221	227.155.752.704
Chi phí khác	3.317.189.162	80.439.735	-	42.003.994.623	109.894.148.945	442.215.569	155.737.988.034
Lợi nhuận khác	<u>(644.679.094)</u>	<u>(10.398.319)</u>	<u>-</u>	<u>(5.041.725.044)</u>	<u>77.396.023.475</u>	<u>(281.456.348)</u>	<u>71.417.764.670</u>
Lỗ từ hoạt động liên doanh	-	-	-	-	-	(13.479.918)	(13.479.918)
Tổng lợi nhuận trước thuế	(65.507.248.610)	(4.997.187.680)	(51.421.753.923)	(3.757.879.407)	(154.728.425.419)	(1.566.569.756)	(281.979.064.795)
Thuế TNDN	(6.036.774.665)	-	(4.191.852.129)	(1.511.146.313)	(8.922.543.286)	-	(20.662.316.393)
Lợi nhuận sau thuế	(59.476.084.888)	(4.997.187.680)	(47.229.901.794)	(2.246.733.094)	(145.805.882.133)	(1.566.569.756)	(261.322.359.345)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	(93.949.800)	(26.970.993)	(120.920.793)
Lợi ích của cty mẹ	(59.476.084.888)	(4.997.187.680)	(47.229.901.794)	(2.246.733.094)	(145.711.932.333)	(1.539.598.763)	(261.201.438.552)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau :

	Trong nước	Nước ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	2.679.550.180.712	163.293.459.333	(967.354.139.933)	1.875.489.500.112
Tài sản không phân bổ	56.982.342.714	-	(54.242.742.389)	2.739.600.325
Tổng tài sản	2.736.532.523.426	163.293.459.333	(1.021.596.882.322)	1.878.229.100.437
Nợ phải trả bộ phận	2.276.340.452.118	-	(659.629.143.279)	1.616.711.308.839
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	14.510.651	14.510.651
Tổng nợ phải trả	2.276.340.452.118	-	(659.614.632.628)	1.616.725.819.490

(Xem tiếp trang 38)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Lĩnh vực	Thương mại	Thi công	Bất động sản	DV Taxi	Chế biến thủy sản	Khác	VND
Doanh thu thuần	98.745.755.097	13.869.256.647	2.972.998.733	144.206.522.495	1.655.518.515.553	23.097.491.310	1.938.410.539.835
Giá vốn	95.543.079.584	13.888.668.260	3.129.314.246	111.996.367.150	1.465.529.962.319	12.450.711.890	1.702.538.103.449
Lãi gộp	3.202.675.513	(19.411.613)	(156.315.513)	32.210.155.345	189.988.553.234	10.646.779.420	235.872.436.386
Lãi từ hoạt động bán hàng	<u>(12.723.604.117)</u>	<u>(1.169.513.877)</u>	<u>(219.702.792)</u>	<u>7.417.941.482</u>	<u>63.601.004.489</u>	<u>5.497.079.138</u>	<u>62.403.204.323</u>
Doanh thu tài chính	2.152.609.627	9.473.602.366	522.132.590	24.578.308	5.913.432.717	2.235.647.110	20.322.002.718
Chi phí tài chính	17.882.733.750	9.452.157.503	520.950.668	6.634.545.743	42.694.350.909	2.226.855.562	79.411.594.135
Lợi nhuận tài chính	<u>(15.730.124.123)</u>	<u>21.444.863</u>	<u>1.181.922</u>	<u>(6.609.967.435)</u>	<u>(36.780.918.192)</u>	<u>8.791.548</u>	<u>(59.089.591.417)</u>
Thu nhập khác	1.710.820.621	-	-	2.697.586.729	3.777.783.981	104.499.488	8.290.690.819
Chi phí khác	2.376.500	-	2.305.709.117	-	3.805.219.438	11.239.382	6.124.544.437
Lợi nhuận khác	<u>1.708.444.121</u>	<u>-</u>	<u>(2.305.709.117)</u>	<u>2.697.586.729</u>	<u>(27.435.457)</u>	<u>93.260.106</u>	<u>2.166.146.382</u>
Tổng LN trước thuế	(26.745.284.119)	(1.148.069.014)	(2.524.229.986)	3.505.560.776	26.792.650.840	5.599.130.792	5.479.759.288
Thuế TNDN	2.690.756.724	-	(16.644.039)	1.510.748.513	738.496.416	275.023.268	5.198.380.882
Lợi nhuận sau thuế	<u>(29.436.040.843)</u>	<u>(1.148.069.014)</u>	<u>(2.507.585.947)</u>	<u>1.994.812.263</u>	<u>26.054.154.424</u>	<u>5.324.107.524</u>	<u>281.378.406</u>
Lợi ích CĐ TS	-	-	-	-	-	(24.635.747)	(24.635.747)
Lợi ích của cty mẹ	<u>(29.436.040.843)</u>	<u>(1.148.069.014)</u>	<u>(2.507.585.947)</u>	<u>1.994.812.263</u>	<u>26.054.154.424</u>	<u>5.348.743.271</u>	<u>306.014.153</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau :

	Trong nước	Nước ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	3.664.624.096.938	68.669.801.862	(1.217.759.517.687)	2.515.534.381.113
Tài sản không phân bổ	3.944.910.233	-	1.257.243.713	5.202.153.946
Tổng tài sản	3.668.569.007.171	68.669.801.862	(1.216.502.273.974)	2.520.736.535.059
Nợ phải trả bộ phận	2.633.617.692.644	1.534.046.767	(632.139.959.375)	2.003.011.780.036
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	14.510.651	14.510.651
Tổng nợ phải trả	2.633.617.692.644	1.534.046.767	(632.125.448.724)	2.003.026.290.687

(Xem tiếp trang 40)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Tập đoàn, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Trong nước	Nước Ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu	705.258.910.166	531.168.064.995	(95.895.664.425)	1.140.531.310.736
Giá vốn	758.199.295.090	570.726.174.966	(98.191.983.248)	1.230.733.486.808
Chi phí bán hàng	37.029.587.664	36.091.341.307	(597.180.000)	72.523.748.971
Chi phí QLDN	75.451.010.438	20.183.819.437	(1.142.885.437)	94.491.944.438
Kết quả của bộ phận	(165.420.983.026)	(95.833.270.715)	4.036.384.260	(257.217.869.481)
Thu nhập tài chính				49.565.279.844
Chi phí tài chính				145.730.759.910
Thu nhập khác				227.155.752.704
Chi phí khác				155.737.988.034
Lỗ từ hoạt động liên doanh				(13.479.918)
Thuế TNDN				(20.656.705.450)
Lợi ích của cổ đông thiểu số				(120.920.793)
Lợi nhuận sau thuế của CĐ mẹ				(261.201.438.552)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Trong nước	Nước Ngoài	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu	1.533.946.745.452	569.973.391.891	(165.509.597.508)	1.938.410.539.835
Giá vốn	1.357.977.295.831	506.184.589.643	(161.623.782.025)	1.702.538.103.449
Chi phí bán hàng	67.403.726.076	31.599.553.193	(597.180.000)	98.406.099.269
Chi phí QLDN	64.408.246.486	11.307.544.319	(652.658.011)	75.063.132.794
Kết quả bộ phận	44.157.477.059	20.881.704.736	(2.635.977.472)	62.403.204.323
Thu nhập tài chính				20.322.002.718
Chi phí tài chính				79.411.594.135
Thu nhập khác				8.290.690.819
Chi phí khác				6.124.544.437
Thuế TNDN				5.198.380.882
Lợi ích của cổ đông thiểu số				(24.635.747)
Lợi nhuận sau thuế của CĐ mẹ				306.014.153

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Tập đoàn:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Ông Phạm Phúc Toại	Tổng Giám đốc
2. Bà Phạm Thúy An	Con của TGD
3. Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	Công ty con
4. Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long	Công ty con
5. Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	Công ty con
6. Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	Công ty con
7. Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	Công ty con
8. Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	Công ty con
9. Công ty CP thủy sản Mê Kông	Công ty con
10. Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy	Công ty liên kết

- Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu - <i>xem thêm mục 5.2</i>	542.000.000	542.000.000
Phải trả - <i>xem thêm mục 5.18</i>	(9.085.244.174)	(29.704.256.714)

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay công ty TNHH Thanh Thy	1.581.751.786	2.971.579.904

- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc của công ty mẹ	2.539.204.157	1.077.142.847
Tổng cộng	2.539.204.157	1.077.142.847

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.15

- Các loại công cụ tài chính

	VND	
	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.544.949.714	21.689.041.968
Phải thu khách hàng và phải thu khác	426.785.872.657	723.493.644.167
Tài sản tài chính khác	3.240.349.109	8.671.745.313
Cộng	436.571.171.480	753.854.431.448
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	956.243.973.445	1.237.951.148.946
Phải trả người bán và phải trả khác	493.925.800.361	500.908.243.067
Chi phí phải trả	25.735.026.599	53.580.980.912
Cộng	1.475.904.800.405	1.792.440.372.925

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
Đô la Mỹ (USD)	39.013.430,68	17.011.554,74	8.227.868,25	8.299.389,96
Euro (EUR)	-	-	1.575,85	1.575,75

Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Tập đoàn chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

	VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
31/12/2013			
Các khoản vay	522.089.755.121	434.154.218.324	956.243.973.445
Phải trả người bán và phải trả khác	488.103.500.583	5.822.299.778	493.925.800.361
Chi phí phải trả	7.221.236.092	18.513.790.507	25.735.026.599

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	1.183.752.147.602	54.199.001.344	1.237.951.148.946
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	494.491.842.179	6.416.400.888	500.908.243.067
Chi phí phải trả	6.441.866.695	47.139.114.217	53.580.980.912

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

VND			
31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	426.785.872.657	-	426.785.872.657
Tài sản tài chính khác	2.204.521.732	1.035.827.377	3.240.349.109

01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	723.493.644.167	-	723.493.644.167
Tài sản tài chính khác	7.515.917.936	1.155.827.377	8.671.745.313

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

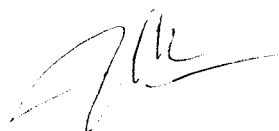
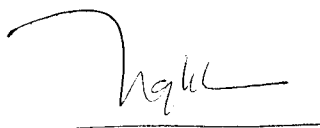
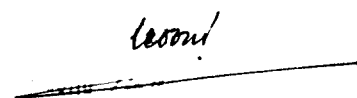
Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 28 tháng 03 năm 2014.

Long An, ngày 28 tháng 03 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THỊ KHẢ HÂN

NGUYỄN THỊ TRÚC

PHẠM PHÚC TOẠI